

BẢNG TỔNG HỢP ĐTB, HẠNH KIỂM, HỌC LỰC, DANH HIỆU
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2015-2016

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tđục	GDQP		ĐTB	Nghi CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
1	Hoàng Kim Anh	HK1	7.9 ₁₀	7.0 ₁₈	8.4 ₂₁	7.0 ₂₉	7.6 ₁₆	6.8 ₁₁	8.6 ₃	7.9 ₁₆	6.6 ₂₆	6.4 ₂₁	7.7 ₁₄	Đ	8.0 ₃		7.5 ₁₁	0 0	K	T	TT	
2	Nguyễn Thị Phương Anh	HK1	7.9 ₁₀	6.6 ₂₅	9.0 ₂	8.1 ₁₁	8.1 ₈	6.9 ₁₀	8.4 ₅	7.2 ₂₉	7.6 ₆	6.4 ₂₁	7.4 ₂₈	Đ	6.4 ₂₄		7.5 ₁₁	0 0	K	T	TT	
3	Phạm Quỳnh Anh	HK1	6.9 ₃₀	7.1 ₁₅	8.8 ₈	8.1 ₁₁	8.2 ₃	6.4 ₂₃	7.6 ₂₁	6.7 ₃₃	7.6 ₆	6.6 ₁₈	7.9 ₈	Đ	6.6 ₂₂		7.4 ₁₈	2 0	K	T	TT	
4	Nguyễn Thị Anh	HK1	6.0 ₃₅	5.4 ₃₇	8.1 ₂₉	8.6 ₅	7.8 ₁₃	6.6 ₁₈	7.6 ₂₁	7.6 ₂₄	6.8 ₂₃	6.2 ₂₅	7.9 ₈	Đ	6.8 ₁₇		7.1 ₂₆	0 0	K	T	TT	
5	Đặng Thị Vân Anh	HK1	7.5 ₁₉	6.2 ₃₀	8.5 ₁₅	8.3 ₈	7.6 ₁₆	6.8 ₁₁	7.0 ₃₆	6.9 ₃₂	6.6 ₂₆	6.1 ₂₇	7.4 ₂₈	Đ	6.4 ₂₄		7.1 ₂₆	1 0	K	K	TT	
6	Lê Thị Ngọc Ánh	HK1	8.7 ₂	7.9 ₅	8.8 ₈	8.9 ₃	8.2 ₃	7.3 ₃	8.5 ₄	8.7 ₁	8.3 ₂	7.4 ₃	8.4 ₁	Đ	8.0 ₃		8.3 ₁	0 0	G	T	GIOI	
7	Phạm Văn Bá	HK1	5.1 ₃₈	6.2 ₃₀	7.9 ₃₆	7.3 ₂₄	7.0 ₃₅	6.2 ₂₅	7.8 ₁₇	6.7 ₃₃	6.2 ₃₂	5.7 ₃₅	7.4 ₂₈	Đ	5.4 ₃₇		6.6 ₃₅	3 0	Tb	K		
8	Đỗ Mai Chi	HK1	7.8 ₁₃	6.0 ₃₃	8.5 ₁₅	7.9 ₁₇	8.1 ₈	6.6 ₁₈	7.8 ₁₇	8.1 ₈	6.8 ₂₃	7.7 ₁	7.6 ₁₉	Đ	6.9 ₁₆		7.5 ₁₁	0 0	K	T	TT	
9	Phạm Vĩnh Chinh	HK1	7.5 ₁₉	6.6 ₂₅	8.5 ₁₅	7.9 ₁₇	7.4 ₂₂	6.2 ₂₅	7.7 ₂₀	7.9 ₁₆	6.2 ₃₂	6.9 ₁₂	7.5 ₂₅	Đ	6.1 ₂₉		7.2 ₂₄	1 0	K	T	TT	
10	Hoàng Văn Công	HK1	7.3 ₂₃	6.0 ₃₃	8.8 ₈	7.9 ₁₇	7.4 ₂₂	6.2 ₂₅	7.5 ₂₄	7.9 ₁₆	6.1 ₃₄	6.7 ₁₆	7.4 ₂₈	Đ	6.4 ₂₄		7.1 ₂₆	0 0	K	T	TT	
11	Nguyễn Danh Dương	HK1	6.1 ₃₄	6.4 ₂₈	8.6 ₁₃	6.6 ₃₆	7.3 ₂₈	6.1 ₃₀	8.9 ₁	7.2 ₂₉	7.2 ₁₅	6.6 ₁₈	7.1 ₃₇	Đ	6.8 ₁₇		7.1 ₂₆	2 0	Tb	T		
12	Nguyễn Văn Dương	HK1	5.6 ₃₇	6.0 ₃₃	8.1 ₂₉	6.9 ₃₁	7.1 ₃₂	6.1 ₃₀	7.9 ₁₃	5.1 ₃₈	6.1 ₃₄	6.3 ₂₄	7.6 ₁₉	Đ	6.1 ₂₉		6.6 ₃₅	2 0	Tb	K		
13	Lê Văn Đại	HK1	6.0 ₃₅	6.5 ₂₇	7.5 ₃₇	6.5 ₃₇	7.8 ₁₃	6.2 ₂₅	7.1 ₃₂	8.1 ₈	6.0 ₃₆	6.1 ₂₇	7.4 ₂₈	Đ	7.0 ₁₅		6.9 ₃₂	0 0	Tb	T		
14	Nguyễn Thị Hà	HK1	8.2 ₅	8.4 ₃	9.0 ₂	8.0 ₁₄	7.6 ₁₆	7.0 ₈	7.9 ₁₃	8.3 ₅	7.5 ₁₀	6.9 ₁₂	7.7 ₁₄	Đ	6.1 ₂₉		7.7 ₈	0 0	K	T	TT	
15	Nguyễn Thị Hằng	HK1	7.3 ₂₃	7.6 ₁₁	8.5 ₁₅	8.1 ₁₁	8.3 ₂	6.6 ₁₈	8.4 ₅	8.1 ₈	7.8 ₄	7.0 ₁₀	7.8 ₁₃	Đ	8.0 ₃		7.8 ₆	0 0	K	T	TT	
16	Trần Thị Thu Hiền	HK1	7.7 ₁₅	5.9 ₃₆	8.3 ₂₄	6.8 ₃₃	7.4 ₂₂	7.6 ₁	7.2 ₃₀	8.1 ₈	7.8 ₄	7.7 ₁	7.6 ₁₉	Đ	6.2 ₂₈		7.4 ₁₈	0 0	K	T	TT	
17	Bùi Đức Hoàn	HK1	7.6 ₁₈	6.2 ₃₀	8.1 ₂₉	6.8 ₃₃	7.2 ₃₀	6.0 ₃₃	6.8 ₃₇	6.4 ₃₅	6.0 ₃₆	6.1 ₂₇	7.4 ₂₈	Đ	5.5 ₃₅		6.7 ₃₄	0 0	K	T	TT	
18	Lê Minh Hoàng	HK1	7.3 ₂₃	7.4 ₁₂	8.7 ₁₁	7.1 ₂₈	7.6 ₁₆	6.0 ₃₃	7.1 ₃₂	7.4 ₂₆	6.4 ₂₉	5.6 ₃₆	7.4 ₂₈	Đ	6.4 ₂₄		7.0 ₃₁	0 0	K	T	TT	
19	Nguyễn Khánh Huyền	HK1	7.7 ₁₅	7.1 ₁₅	8.4 ₂₁	7.6 ₂₁	7.1 ₃₂	6.0 ₃₃	8.1 ₁₀	8.4 ₃	7.0 ₁₇	5.5 ₃₇	7.7 ₁₄	Đ	7.5 ₉		7.3 ₂₁	2 0	K	T	TT	
20	Hoàng Thị Huyền	HK1	7.3 ₂₃	7.9 ₅	8.3 ₂₄	8.4 ₇	8.1 ₈	6.6 ₁₈	7.1 ₃₂	8.1 ₈	6.9 ₂₁	6.0 ₃₀	8.0 ₆	Đ	6.8 ₁₇		7.5 ₁₁	0 0	K	T	TT	
21	Nguyễn Thị Huyền	HK1	7.3 ₂₃	7.2 ₁₄	9.0 ₂	9.0 ₁	8.4 ₁	6.8 ₁₁	8.0 ₁₂	7.7 ₂₀	7.6 ₆	6.7 ₁₆	8.1 ₅	Đ	8.1 ₁		7.8 ₆	0 0	K	T	TT	
22	Nguyễn Chí Linh	HK1	7.8 ₁₃	6.7 ₂₄	8.5 ₁₅	7.6 ₂₁	7.4 ₂₂	6.5 ₂₂	7.4 ₂₆	8.0 ₁₄	6.9 ₂₁	6.5 ₂₀	7.9 ₈	Đ	6.0 ₃₂		7.3 ₂₁	0 0	K	T	TT	
23	Lê Thị Linh	HK1	7.3 ₂₃	7.4 ₁₂	8.5 ₁₅	7.3 ₂₄	7.4 ₂₂	6.7 ₁₆	7.9 ₁₃	7.7 ₂₀	7.2 ₁₅	6.4 ₂₁	7.6 ₁₉	Đ	7.2 ₁₀		7.4 ₁₈	0 0	K	T	TT	
24	Phạm Văn Nam	HK1	7.0 ₂₉	6.8 ₂₂	8.0 ₃₂	6.5 ₃₇	7.3 ₂₈	5.3 ₃₈	7.5 ₂₄	6.4 ₃₅	6.3 ₃₀	5.1 ₃₈	7.1 ₃₇	Đ	6.0 ₃₂		6.6 ₃₅	0 0	K	T	TT	
25	Nguyễn Tú Oanh	HK1	6.9 ₃₀	6.9 ₂₁	8.0 ₃₂	8.5 ₆	8.0 ₁₁	7.0 ₈	8.3 ₇	7.7 ₂₀	7.0 ₁₇	7.2 ₅	7.7 ₁₄	Đ	6.5 ₂₃		7.5 ₁₁	3 0	K	T	TT	
26	Đinh Hà Phương	HK1	8.1 ₇	6.8 ₂₂	8.2 ₂₈	7.4 ₂₃	7.6 ₁₆	6.1 ₃₀	7.1 ₃₂	7.8 ₁₉	7.3 ₁₂	6.8 ₁₄	7.4 ₂₈	Đ	5.3 ₃₈		7.2 ₂₄	2 0	K	T	TT	
27	Nguyễn Hoàng Quý	HK1	6.7 ₃₃	5.2 ₃₈	7.5 ₃₇	6.8 ₃₃	6.6 ₃₈	5.5 ₃₇	6.0 ₃₈	7.1 ₃₁	5.6 ₃₈	5.9 ₃₁	7.7 ₁₄	Đ	6.8 ₁₇		6.5 ₃₈	0 0	K	T	TT	
28	Bùi Thị Phương Quỳnh	HK1	7.7 ₁₅	8.8 ₁	8.0 ₃₂	8.3 ₈	7.4 ₂₂	6.2 ₂₅	7.2 ₃₀	7.3 ₂₈	7.0 ₁₇	7.2 ₅	7.9 ₈	Đ	7.1 ₁₄		7.5 ₁₁	0 0	K	T	TT	
29	Đinh Việt Thái	HK1	6.8 ₃₂	7.0 ₁₈	8.0 ₃₂	7.0 ₂₉	6.8 ₃₇	6.8 ₁₁	7.3 ₂₉	5.9 ₃₇	7.4 ₁₁	6.2 ₂₅	7.3 ₃₆	Đ	5.7 ₃₄		6.9 ₃₂	0 0	K	T	TT	
30	Đoàn Thị Thanh	HK1	8.4 ₃	8.5 ₂	9.0 ₂	7.3 ₂₄	8.2 ₃	7.4 ₂	8.9 ₁	8.1 ₈	8.3 ₂	7.1 ₇	8.3 ₂	Đ	7.2 ₁₀		8.1 ₂	0 0	G	T	GIOI	
31	Nguyễn Thị Thu	HK1	8.1 ₇	7.8 ₇	8.9 ₇	8.0 ₁₄	8.2 ₃	7.2 ₅	8.3 ₇	8.6 ₂	7.6 ₆	6.8 ₁₄	7.6 ₁₉	Đ	8.0 ₃		7.9 ₄	0 0	K	T	TT	
32	Hoàng Thị Thùy	HK1	7.9 ₁₀	6.3 ₂₉	8.3 ₂₄	6.9 ₃₁	7.2 ₃₀	6.0 ₃₃	7.6 ₂₁	7.7 ₂₀	6.8 ₂₃	5.9 ₃₁	7.5 ₂₅	Đ	7.2 ₁₀		7.1 ₂₆	1 0	K	T	TT	
33	Nguyễn Bình Toàn	HK1	7.4 ₂₂	7.7 ₁₀	8.7 ₁₁	8.8 ₄	8.0 ₁₁	6.8 ₁₁	8.3 ₇	8.2 ₇	7.3 ₁₂	7.1 ₇	8.0 ₆	Đ	8.0 ₃		7.9 ₄	0 0	K	T	TT	

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tdục	GDQP		ĐTB	Nghỉ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
34	Đặng Thị Phương Trang	HK1	9.3 ₁	8.2 ₄	9.0 ₂	9.0 ₁	7.8 ₁₃	7.2 ₅	7.4 ₂₆	8.0 ₁₄	6.6 ₂₆	7.0 ₁₀	8.2 ₃	Đ	8.0 ₃		8.0 ₃	0 0	G	T	GIOI	
35	Nguyễn Thị Thu Trang	HK1	7.5 ₁₉	7.8 ₇	8.4 ₂₁	7.7 ₂₀	8.2 ₃	7.2 ₅	8.1 ₁₀	8.4 ₃	7.0 ₁₇	7.1 ₇	8.2 ₃	Đ	7.2 ₁₀		7.7 ₈	0 0	K	T	TT	
36	Phạm Thùy Trang	HK1	8.0 ₉	7.0 ₁₈	9.2 ₁	8.0 ₁₄	7.1 ₃₂	7.3 ₃	7.4 ₂₆	7.6 ₂₄	6.3 ₃₀	5.8 ₃₄	7.6 ₁₉	Đ	6.7 ₂₁		7.3 ₂₁	1 0	K	T	TT	
37	Nguyễn Quý Tuấn	HK1	8.3 ₄	7.8 ₇	8.3 ₂₄	8.2 ₁₀	7.5 ₂₁	6.7 ₁₆	7.8 ₁₇	7.4 ₂₆	7.3 ₁₂	7.4 ₃	7.9 ₈	Đ	5.5 ₃₅		7.5 ₁₁	0 0	K	T	TT	
38	Nguyễn Thị Thu Yến	HK1	8.2 ₅	7.1 ₁₅	8.6 ₁₃	7.3 ₂₄	7.0 ₃₅	6.3 ₂₄	7.9 ₁₃	8.3 ₅	8.6 ₁	5.9 ₃₁	7.5 ₂₅	Đ	8.1 ₁		7.6 ₁₀	0 0	K	T	TT	

Số ngày nghỉ có phép: 20

Số ngày nghỉ không phép: 0

Hạnh kiểm:

Học lực:

Danh hiệu:

- Tốt: 35

- Giỏi: 3

- Giỏi: 3

- Khá: 3

- Khá: 31

- Tiên tiến: 31

- Trung bình: 0

- Trung bình: 4

- Yếu: 0

- Yếu: 0

- Kém: 0

- Kém: 0

Ngày..... tháng..... năm

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(chữ ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm

HIỆU TRƯỞNG

(chữ ký, họ tên, đóng dấu)